

**BỘ CÂU HỎI HỘI THI “HÒA GIẢI VIÊN GIỎI TỈNH ĐẮK LẮK”
CẤP TỈNH NĂM 2023**

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (85 câu)

I. Luật Hòa giải ở cơ sở, Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành (gồm: 15 câu)

Câu 1. Tổ hòa giải được hiểu là tổ chức nào dưới đây?

- a. Là một tổ chức chính trị - xã hội được thành lập ở cơ sở để hoạt động hòa giải.
- b. Là một tổ chức chính trị được thành lập ở cơ sở để hoạt động hòa giải.
- c. Là tổ chức tự quản của nhân dân được thành lập ở cơ sở để hoạt động hòa giải.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 5 Điều 2 Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 2. Những trường hợp nào sau đây được hòa giải ở cơ sở?

- a. Vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
- b. Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.
- c. Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hôn nhân và gia đình như tranh chấp phát sinh từ quan hệ giữa vợ, chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con; quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; ly hôn.
- d. Cả a và c.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 3 Luật Hòa giải ở cơ sở; điểm c, e khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 3. Người được bầu làm hòa giải viên phải đáp ứng những tiêu chuẩn, điều kiện nào sau đây?

- a. Là công dân Việt Nam, có trình độ trung cấp Luật trở lên hoặc đã từng công tác trong các cơ quan bảo vệ pháp luật; tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải.
- b. Là công dân Việt Nam thường trú tại cơ sở, tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư; có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật.

c. Cả a và b.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Điều 7 Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 4. Trường hợp nào sau đây hòa giải viên phải từ chối tiến hành hòa giải?

- a. Bản thân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải.
- b. Có lý do dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải.
- c. Khi xác định vụ, việc không thuộc phạm vi hòa giải theo quy định.
- d. Cả 3 phương án trên.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 3 Điều 10 Luật Hòa giải ở cơ sở; Điều 6 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở).

Câu 5. Trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật hình sự thì hòa giải viên có nghĩa vụ thông báo với ai?

- a. Trưởng ban công tác Mặt trận.
- b. Tổ trưởng tổ hòa giải.
- c. Công chức Tư pháp - Hộ tịch.
- d. Công an xã.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 5 Điều 10 Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 6. Tổ hòa giải có trách nhiệm nào sau đây?

- a. Tổ chức thực hiện hoà giải.
- b. Tổ chức trao đổi kinh nghiệm, thảo luận các giải pháp để tiến hành hòa giải vụ, việc phức tạp.
- c. Kiến nghị với Công an xã về hoạt động hòa giải ở cơ sở, các điều kiện cần thiết cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.
- d. Cả a và b.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1, khoản 2 Điều 13 Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 7. Địa điểm để tiến hành hòa giải là nơi nào sau đây?

- a. Nơi xảy ra vụ, việc cần hòa giải.
- b. Nơi do các bên hoặc hòa giải viên lựa chọn, bảo đảm thuận lợi cho các bên.
- c. Tất cả phương án trên.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 20 Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 8. Hòa giải viên phải làm gì khi các bên không đạt được thỏa thuận và việc tiếp tục hòa giải không thể đạt được kết quả?

- a. Quyết định kết thúc hòa giải.
- b. Hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.
- c. Lập văn bản hòa giải không thành khi các bên có yêu cầu.
- d. Tất cả phương án trên.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 3 Điều 23 Luật Hòa giải ở cơ sở; khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở).

Câu 9. Khi có người dân yêu cầu hòa giải mà hòa giải viên nhận thấy vụ việc không thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở thì hòa giải viên phải làm gì?

- a. Báo cáo vụ việc cho tổ trưởng tổ hòa giải biết, giải quyết.
- b. Giải thích cho các bên về lý do không hòa giải và hướng dẫn các bên làm thủ tục cần thiết để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.
- c. Mời người đại diện của cơ quan, tổ chức nơi người yêu cầu hòa giải đang công tác, sinh hoạt.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Điều 6 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 10. Vi phạm pháp luật hình sự trong mọi trường hợp đều không được tiến hành hòa giải ở cơ sở. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Theo điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở)

hành Luật Hòa giải ở cơ sở, thì: “Vi phạm pháp luật hình sự trong các trường hợp sau đây vẫn thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở:

Không bị khởi tố vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

Pháp luật quy định chỉ khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, nhưng người bị hại không yêu cầu khởi tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

Vụ án đã được khởi tố, nhưng sau đó có quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng về đình chỉ điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự hoặc đình chỉ vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật”).

Câu 11. Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất được tiến hành hòa giải ở cơ sở. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 12. Hòa giải được tiến hành bằng hình thức công khai hoặc không công khai theo ý kiến thống nhất của các bên. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 21 Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 13. Khi không đạt được thỏa thuận, các bên có quyền yêu cầu tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Điều 27 Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 14. Theo Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, trong thời hạn bao lâu kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành, người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án phải gửi đơn đến Tòa án?

- a. 01 tháng, kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành.
- b. 03 tháng, kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành.
- c. 06 tháng, kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành.

d. 09 tháng, kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 418 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015)

Câu 15. Theo Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, việc không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của kết quả hòa giải ngoài Tòa án. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 6 Điều 419 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định: “Việc không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của kết quả hòa giải ngoài Tòa án”)

II. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (08 câu)

Câu 16. Công dân đủ bao nhiêu tuổi thì có quyền bầu cử?

- a. Từ 18 tuổi trở lên.
- b. Đủ 18 tuổi trở lên.
- c. Đủ 20 tuổi trở lên.
- d. Từ 21 tuổi trở lên.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Điều 27 Hiến pháp năm 2013)

Câu 17. Hiến pháp năm 2013 bảo đảm cho công dân Việt Nam có quyền gì sau đây?

- a. Được xác định dân tộc của mình.
- b. Được sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.
- c. Cả hai phương án trên

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Điều 42 Hiến pháp năm 2013).

Câu 18. Theo Hiến pháp năm 2013, mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 24 Hiến pháp năm 2013).

Câu 19. Luật Cư trú năm 2020 nghiêm cấm hành vi nào sau đây?

a. Tiếp nhận, thực hiện đăng ký cư trú cho công dân khi hồ sơ đủ điều kiện đăng ký cư trú.

b. Cản trở công dân thực hiện quyền tự do cư trú. Lạm dụng việc sử dụng thông tin về nơi thường trú, nơi tạm trú làm điều kiện để hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

c. Đồng ý cho người khác đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú vào chỗ ở của mình để vụ lợi hoặc trong thực tế người đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú không sinh sống tại chỗ ở đó.

d. Cả b và c.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Các khoản 1, 2 và 12 Điều 7 Luật Cư trú năm 2020)

Câu 20. Theo Luật Cư trú năm 2020, việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân không bị hạn chế trong mọi trường hợp. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 4 Luật Cư trú năm 2020 quy định một số trường hợp việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân bị hạn chế như: bị cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp tạm giữ, tạm giam; đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; bị cách ly do có nguy cơ lây lan dịch bệnh cho cộng đồng..v.v...)

Câu 21. Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh ruột, chị ruột, em ruột, cháu ruột có thể đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú theo hộ gia đình khi ở cùng một chỗ ở hợp pháp. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 10 Luật Cư trú năm 2020)

Câu 22. Thông tin nào sau đây công dân được tiếp cận có điều kiện?

a. Thông tin về quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp xã.

b. Thông tin về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

c. Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016).

Câu 23. Khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin, công dân không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Điểm c khoản 2 Điều 8 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016).

III. Lĩnh vực dân sự (17 câu)

Câu 24. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi có quyền nào sau đây?

- a. Thực hiện các giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi.
- b. Tự mình xác lập, thực hiện mọi giao dịch dân sự.
- c. Tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 4 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015)

Câu 25. Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi họ trong trường hợp nào sau đây?

- a. Thay đổi họ cho con theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc của con khi xác định cha, mẹ cho con.
- b. Thay đổi họ theo sở thích của cá nhân
- c. Khi họ quá xấu, khó đọc, không phổ biến.

Trả lời: Đáp án a.

(Cơ sở pháp lý: Điểm d khoản 1 Điều 27 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Câu 26. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên trong trường hợp nào sau đây?

- a. Theo ý muốn của gia đình.
- b. Cảm thấy không thích.
- c. Theo yêu cầu của người có tên mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Câu 27. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, việc sử dụng hình ảnh trong trường hợp nào sau đây không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ?

- a. Hình ảnh được sử dụng vì mục đích thương mại.
- b. Hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng.
- c. Hình ảnh được sử dụng vì mục đích cá nhân.
- d. Tất cả các trường hợp trên.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 32 Bộ luật Dân sự năm 2015)

Câu 28. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, giao dịch dân sự được thể hiện bằng hình thức nào sau đây?

- a. Lời nói.
- b. Bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể.
- c. Cả 2 phương án trên.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015)

Câu 29. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, mốc giới ngăn cách do một bên tạo nên trên ranh giới và được chủ sở hữu bất động sản liền kề đồng ý thì mốc giới ngăn cách đó thuộc sở hữu của bên nào?

- a. Mốc giới ngăn cách đó là sở hữu riêng của bên tạo nên.
- b. Mốc giới ngăn cách đó là sở hữu chung của các bên.
- c. Mốc giới ngăn cách đó thuộc sở hữu chung của cộng đồng.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015)

Câu 30. Khi xây nhà, trở cửa sổ quay sang bất động sản liền kề thì mặt dưới mái che cửa sổ quay ra đường đi chung phải cách mặt đất?

- a. 1 m trở lên.
- b. 2 m trở lên.
- c. Từ 2,5 m trở lên.
- d. 3m trở lên.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 178 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Câu 31. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, sau 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là chủ sở hữu tài sản là động sản thì quyền sở hữu đối với động sản đó thuộc về người nào dưới đây?

- a. Thuộc về người phát hiện tài sản.
- b. Thuộc về khu dân cư.
- c. Thuộc về Nhà nước.

Trả lời: Đáp án a.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Dân sự năm 2015)

Câu 32. Trong thời gian nuôi giữ gia súc bị thất lạc, gia súc có sinh con, sau đó chủ sở hữu tìm và được nhận lại gia súc bị thất lạc thì người bắt được và nuôi giữ gia súc được hưởng quyền lợi gì sau đây?

- a. Toàn bộ số gia súc sinh ra trong thời gian nuôi giữ.
- b. Hưởng một nửa số gia súc sinh ra hoặc 50% giá trị số gia súc sinh ra.
- c. Không được hưởng và phải trả lại toàn bộ số gia súc sinh ra.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 231 Bộ luật Dân sự năm 2015)

Câu 33. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, trong trường hợp không có thỏa thuận thì địa điểm thực hiện nghĩa vụ được xác định như thế nào sau đây?

- a. Là nơi có bất động sản, nếu đối tượng của nghĩa vụ là bất động sản;
- b. Là nơi cư trú hoặc trụ sở của bên có quyền, nếu đối tượng của nghĩa vụ không phải là bất động sản.
- c. Cả a và b.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015)

Câu 34. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp nào thì bên bán có quyền đòi lại tài sản?

- a. Giá thị trường tăng quá cao so với thời điểm bán và bàn giao tài sản cho bên mua.
- b. Bên mua không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho bên bán theo thỏa thuận.

c. Bên bán muốn đòi lại do tài sản là vật kỷ niệm.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Điều 332 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Câu 35. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, chủ thể làm ô nhiễm môi trường mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp chủ thể đó không có lỗi. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Điều 602 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Câu 36. Những người nào sau đây vẫn được hưởng di sản theo quy định của pháp luật trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản?

a. Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng; con thành niên mà không có khả năng lao động của người lập di chúc.

b. Vợ hoặc chồng của người lập di chúc từ chối nhận di sản.

c. Con ruột của người để lại di sản đã có hành vi giả mạo di chúc nhằm hưởng toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản.

Trả lời: Đáp án a.

(Cơ sở pháp lý: Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Câu 37. Khi thực hiện nghĩa vụ liên đới mà bên có quyền chỉ miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho một trong số những người có nghĩa vụ liên đới không phải thực hiện phần nghĩa vụ của mình, thì đồng thời những người còn lại đều không phải liên đới thực hiện phần nghĩa vụ của họ. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Theo quy định tại khoản 4 Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp này những người còn lại vẫn phải liên đới thực hiện phần nghĩa vụ của mình).

Câu 38. Chủ sở hữu được nhận lại gia súc bị thất lạc thì phải thanh toán tiền công nuôi giữ và các chi phí khác cho người bắt được gia súc. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 231 Bộ luật Dân sự năm 2015)

Câu 39. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công

cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015)

Câu 40. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, di chúc chỉ được lập bằng văn bản. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Điều 627 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng”)

IV. Lĩnh vực đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường (07 câu)

Câu 41. Luật Đất đai năm 2013 quy định những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

- a. Không sử dụng đất, sử dụng đất không đúng mục đích; không thực hiện đúng quy định của pháp luật khi thực hiện quyền của người sử dụng đất.
- b. Sử dụng đất, thực hiện giao dịch về quyền sử dụng đất mà không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- c. Lấn, chiếm, hủy hoại đất.
- d. Tất cả các phương án trên.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Điều 12 Luật Đất đai năm 2013)

Câu 42. Luật Đất đai năm 2013 quy định người sử dụng đất có những nghĩa vụ chung nào sau đây?

- a. Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất, đúng quy định về sử dụng độ sâu trong lòng đất và chiều cao trên không, bảo vệ các công trình công cộng trong lòng đất và tuân theo các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- b. Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan.
- c. Tất cả các phương án trên.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Điều 170 Luật Đất đai năm 2013)

Câu 43. Công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng, trừ các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020)

Câu 44. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định như thế nào về bảo vệ môi trường không khí?

a. Mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý thải bụi, khí thải.

b. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý thải bụi, khí thải theo quy định của pháp luật

c. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát thải bụi, khí thải tác động xấu đến môi trường phải có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý theo quy định của pháp luật.

d. Chỉ các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát thải bụi, khí thải tác động xấu đến môi trường phải có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 12 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)

Câu 45. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hộ gia đình, cá nhân phải có trách nhiệm gì đối với việc bảo vệ môi trường tại khu dân cư?

a. Có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa.

b. Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh trong khu dân cư.

c. Bảo đảm trang bị thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật.

d. Tất cả các nội dung trên.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Điểm b khoản 1 Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)

Câu 46. Hộ gia đình và cá nhân được tự do sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi nông hộ để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 5 Điều 61 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “Việc sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc mục đích khác phải thực hiện theo quy định của Chính phủ”; khoản 1 Điều 51 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ và nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi nông hộ được sử dụng làm phân bón, nước tưới cho cây trồng hoặc mục đích khác phải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường”).

Câu 47. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm gì trong việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt?

- a. Chuyên chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại đến điểm tập kết theo quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.
- b. Bố trí thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các loại chất thải.
- c. Chỉ cần để chất thải rắn sinh hoạt trước cổng nhà.
- d. Tất cả các phương án trên.

Trả lời: Đáp án a.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 5 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)

V. Lĩnh vực hôn nhân và gia đình (16 câu)

Câu 48. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghiêm cấm hành vi nào sau đây?

- a. Ly hôn.
- b. Tái hôn.
- c. Đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác.
- d. Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì bị hiếm muộn.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 49. Điều kiện kết hôn được Nhà nước quy định như thế nào sau đây?

- a. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.
- b. Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định.

c. Không bị mất năng lực hành vi dân sự; không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

d. Tất cả các điều kiện trên.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 50. Tài sản nào sau đây không phải tài sản riêng của vợ chồng?

a. Tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn.

b. Tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân

c. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn.

d. Tất cả các trường hợp trên.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 33 và khoản 1 Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 51. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của vợ chồng được quyết định như thế nào?

a. Do vợ chồng thỏa thuận.

b. Do người chồng quyết định.

c. Do người vợ quyết định.

d. Do Tòa án quyết định.

Trả lời: Đáp án a.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 52. Người chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp nào dưới đây?

a. Người vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

b. Người vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi.

c. Người vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 24 tháng tuổi.

d. Người vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Trả lời: Đáp án a.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 3 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 53. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm nào?

- a. Từ thời điểm 2 vợ chồng ký vào đơn yêu cầu giải quyết ly hôn.
- b. Kể từ ngày có bản án, quyết định ly hôn của Tòa án.
- c. Kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.
- d. Kể từ ngày có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 54. Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con gây ra trong trường hợp nào sau đây?

- a. Con chưa thành niên.
- b. Con đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự.
- c. Cả a và b đều đúng.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Điều 74 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 55. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, con cái có thể tự mình quản lý tài sản riêng khi nào?

- a. Từ đủ 18 tuổi trở lên.
- b. Từ đủ 15 tuổi trở lên.
- c. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- d. Có sự đồng ý của cha, mẹ.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 76 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 56. Khi giải quyết ly hôn, trường hợp nào Tòa án phải xem xét nguyện vọng của con trước khi giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng?

- a. Con từ đủ 6 tuổi trở lên.
- b. Con từ đủ 7 tuổi trở lên.
- c. Con từ đủ 8 tuổi trở lên.
- d. Con từ đủ 9 tuổi trở lên.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 57. Những người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi không được kết hôn với nhau nhưng có thể chung sống như vợ chồng. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Điểm d khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cấm hành vi: “Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi”)

Câu 58. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì vẫn làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”)

Câu 59. Khi giải quyết quan hệ tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì thực hiện theo nguyên tắc chia đôi. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trường hợp này được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên. Nếu không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan)

Câu 60. Nhà nước và xã hội khuyến khích việc hòa giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Điều 52 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 61. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hòa giải ở cơ sở là thủ tục bắt buộc trước khi vợ chồng yêu cầu ly hôn tại Tòa án. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Điều 52 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nhà nước và xã hội khuyến khích việc hòa giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn”, không bắt buộc hoà giải ở cơ sở)

Câu 62. Vợ, chồng được quyền thỏa thuận về việc nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 81 Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 63. Cơ quan nào có thẩm quyền đăng ký kết hôn cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước?

- a. Công an cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ.
- b. UBND cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ.
- c. UBND cấp huyện của một trong hai bên nam, nữ.
- d. Sở Tư pháp.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014)

VI. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý (03 câu)

Câu 64. Người từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm?

- a. Từ đủ 18 tuổi.
- b. Từ đủ 20 tuổi.
- c. Từ đủ 16 tuổi, trừ những tội phạm mà Bộ luật Hình sự có quy định khác.
- d. Từ đủ 21 tuổi.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015)

Câu 65. Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là bao lâu?

- a. Từ 01 năm đến 02 năm.
- b. Từ 09 tháng đến 01 năm.
- c. Từ 03 tháng đến 06 tháng.
- d. Từ 01 tháng đến 03 tháng.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 89 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn)

Câu 66. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với các đối tượng theo quy định để giáo dục, quản lý họ

tại nơi cư trú trong trường hợp nhận thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi cộng đồng. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 89 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012)

VII. Thực hiện dân chủ ở cơ sở (06 câu)

Câu 67. Công dân có nghĩa vụ nào sau đây trong thực hiện dân chủ ở cơ sở?

- a. Tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- b. Chấp hành quyết định của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.
- c. Tôn trọng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- d. Tất cả các nghĩa vụ trên.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Điều 6 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022)

Câu 68. Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, công dân là người lao động thực hiện dân chủ tại đâu?

- a. Tại xã, phường, thị trấn, tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú.
- b. Tại cơ quan nơi mình làm việc hoặc tổ chức có sử dụng lao động nơi mình có giao kết hợp đồng lao động.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Bất kì cơ quan, tổ chức nào.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Điều 4 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022)

Câu 69. Hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở?

- a. Gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.
- b. Yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.
- c. Khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

d. Tất cả các hành vi trên.

Trả lời: Đáp án a.

(Cơ sở pháp lý: Điều 9 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022)

Câu 70. Việc bàn và quyết định nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư được thực hiện bằng hình thức nào?

- a. Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.
- b. Tại cuộc họp của cộng đồng dân cư.
- c. Biểu quyết trực tuyến.
- d. Tất cả các hình thức trên.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Điều 17 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022)

Câu 71. Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, công dân được giám sát những nội dung nào?

- a. Việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở .
- b. Việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Không có quy định.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 30 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022)

Câu 72. Công dân được tự do thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 3 Điều 3 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022 quy định nguyên tắc: “Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động”).

VIII. Bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình (11 câu)

Câu 73. Luật Bình đẳng giới nghiêm cấm hành vi nào sau đây ?

- a. Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới.
- b. Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức.

- c. Bạo lực trên cơ sở giới.
- d. Tất cả các phương án trên.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Điều 10 Luật Bình đẳng giới năm 2006)

Câu 74. Hãy cho biết, hành vi nào sau đây là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo?

- a. Quy định tuổi đào tạo, tuổi tuyển sinh.
- b. Vận động hoặc ép buộc các người khác nghỉ học vì lý do giới tính.
- c. Tuyển sinh những người có đủ điều kiện vào các khóa đào tạo, bồi dưỡng.
- d. Tất cả các ý trên.

Trả lời: Đáp án b.

(Cơ sở pháp lý: Điểm b khoản 4 Điều 40 Luật Bình đẳng giới năm 2006)

Câu 75. Áp đặt lao động gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, triệt sản là trách nhiệm của nữ giới bị coi là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 5 Điều 41 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định: “Áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên thuộc một giới nhất định” là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình)

Câu 76. Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, đối tượng nào sau đây được ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp?

- a. Phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc.
- b. Trẻ em, phụ nữ, người nghèo.
- c. Phụ nữ, người không nơi nương tựa, người thất nghiệp.
- d. Người lao động chân tay, trẻ em bị tàn tật, người nghèo.

Trả lời: Đáp án a.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 4 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022)

Câu 77. Hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm trong phòng, chống bạo lực gia đình?

- a. Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng.
- b. Cản trở việc phát hiện, báo tin, tố giác, ngăn chặn và xử lý hành vi bạo lực gia đình.
- c. Kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng ép người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.
- d. Tất cả các hành vi trên.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Điều 5 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022)

Câu 78. Hãy cho biết nạn nhân bạo lực gia đình có trách nhiệm gì theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình?

- a. Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin liên quan đến hành vi bạo lực gia đình khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.
- b. Cung cấp thông tin liên quan đến bạo lực gia đình cho bất cứ ai có yêu cầu.
- c. Chỉ cung cấp thông tin liên quan đến bạo lực gia đình cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nơi có hành vi bạo lực gia đình xảy ra.
- d. Chỉ cung cấp thông tin liên quan đến bạo lực gia đình cho Công an xã nơi có hành vi bạo lực gia đình xảy ra.

Trả lời: Đáp án a.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 2 Điều 9 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022)

Câu 79. Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, chủ thể nào sau đây có trách nhiệm hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp về phòng, chống bạo lực gia đình ?

- a. Thành viên gia đình, dòng họ.
- b. Tổ hòa giải ở cơ sở.
- c. Cơ quan, tổ chức của người có mâu thuẫn, tranh chấp với thành viên gia đình của họ.
- d. Tất cả các chủ thể trên.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Điều 18 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022)

Câu 80. Trường hợp gia đình có việc cưới, việc tang hoặc trường hợp đặc biệt khác mà người có hành vi bạo lực gia đình cần tiếp xúc với người bị bạo lực gia đình thì người có hành vi bạo lực gia đình phải thông báo với cá nhân hoặc cơ quan nào?

- a. Người được phân công giám sát việc thực hiện cấm tiếp xúc.
- b. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- c. Tòa án nhân dân huyện.
- d. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trả lời: Đáp án a.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 6 Điều 26 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022)

Câu 81. Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực gia đình là hành vi cố ý hoặc vô ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Theo khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thì bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình)

Câu 82. Hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình có thể thay thế biện pháp xử lý người có hành vi bạo lực gia đình. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 17 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình không thay thế biện pháp xử lý người có hành vi bạo lực gia đình)

Câu 83. Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình thì biện pháp góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư được áp dụng đối với mọi đối tượng từ đủ 16 tuổi trở lên. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 32 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định biện pháp góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư được áp dụng đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên trong các trường hợp sau: có hành vi bạo lực gia đình từ 02 lần trở lên trong thời gian 12 tháng mà chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính; có hành vi bạo lực gia đình đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình.)

IX. Luật An ninh mạng (02 câu)

Câu 84. Luật An ninh mạng nghiêm cấm việc sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi nào sau đây?

- a. Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- b. Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc.
- c. Đăng tải, phát tán thông tin xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác.
- d. Tất cả các hành vi trên.

Trả lời: Đáp án d.

(Cơ sở pháp lý: Các khoản a, b và c khoản 1 Điều 8 Luật An ninh mạng năm 2018)

Câu 85. Theo Luật An ninh mạng, thông tin nào sau đây có nội dung làm nhục, vu khống trên không gian mạng?

- a. Thông tin xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác.
- b. Thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai.

Trả lời: Đáp án c.

(Cơ sở pháp lý: Khoản 3 Điều 16 Luật An ninh mạng năm 2018)

II. CÂU HỎI TÌNH HUỐNG (17 Câu)

I. Quyền con người, quyền công dân (02 câu)

Tình huống 1. Vợ chồng chị Lan có cô con gái tên Hương đang học lớp 12. Sợ con yêu đương sớm, không lo chuyện học hành nên mỗi khi có thư từ của ai gửi cho Hương là bà Lan cũng tự ý mở ra đọc và vứt đi. Trong một lần đi đổ rác, Hương vô tình phát hiện trong sọt rác có thư của bạn gửi cho mình bị vò nát nên về gắng hỏi mẹ và bà Lan thừa nhận do mình làm. Sau đó, giữa 2 mẹ con đã xảy ra tranh cãi và “chiến tranh lạnh” với nhau. Bà Lan cho rằng bà là mẹ nên có quyền quản lý mọi chuyện đối với con của mình. Cô con gái Hương khóc lóc, đòi nhịn ăn đến khi mẹ hứa không xem trộm thư và tôn trọng quyền riêng tư của mình. Mặc dù, chồng bà Lan đã hết sức khuyên can mãi nhưng cả 2 mẹ con đều không ai chịu ai.

Sự việc sau đó được đưa đến Tổ hòa giải nhờ hướng dẫn; là hòa giải viên, ông (bà) hòa giải trường hợp này như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Vì lo lắng cho con gái, bà Lan thường tự ý mở, đọc và vứt đi các thư từ được gửi cho con gái mình. Khi Hương phát hiện được sự việc đã dẫn đến mâu thuẫn giữa hai mẹ con.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Khoản 2 Điều 21 Hiến pháp năm 2013: *“Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác”*.

- Khoản 3 Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định”*.

- Khoản 3 Điều 2; khoản 1, 2 Điều 69; khoản 1 Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“(…); các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;…”*; cha mẹ có nghĩa vụ *“thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội”*, *“trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên”*; con cái có quyền *“được cha mẹ*

thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; ...”

3. Hướng hòa giải: Căn cứ các quy định trên của pháp luật để phân tích cho các bên hiểu theo hướng:

- Giải thích riêng cho bà Lan hiểu rằng việc bà tự ý bóc, đọc rồi vứt thư của con trước hết là hành vi vi phạm pháp luật (đã được Hiến pháp, Bộ luật Dân sự quy định) nên cần chấm dứt; đồng thời, hành vi này còn gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm của 02 mẹ con. Dù là mẹ của cháu Hương, bà Lan cũng phải tôn trọng quyền riêng tư của cháu. Ngoài ra, giải thích cho bà Lan hiểu rằng con gái của bà đang ở độ tuổi dễ bị tổn thương về tâm lý..., vì vậy, nếu bà lo lắng cho việc học hành của con mình thì cần có cách thức khéo léo hơn để quan tâm đến hành vi và tâm lý của con, tránh cách xử sự mang tính cực đoan.

- Giải thích cho cháu Hương hiểu vì mẹ của cháu thương yêu, lo lắng cho cháu, không muốn cháu sao nhãng việc học hành nên mới có hành vi như vậy, nên cháu cần thông cảm cho mẹ; đồng thời, động viên cháu tập trung học tập cho thật tốt và thường xuyên tâm sự, chia sẻ với mẹ để mẹ hiểu và có cách xử sự hợp lý hơn đối với các mối quan hệ bạn bè của cháu.

- Mâu thuẫn trên là xích mích nhỏ, nhưng cũng thường xảy ra trong các gia đình, do đó hòa giải viên cần vận dụng kỹ năng lắng nghe, kinh nghiệm sống..., để thuyết phục các bên hiểu nhau hơn, có những hành xử đúng để không làm phát sinh mâu thuẫn không đáng có này trong gia đình.

- Bên cạnh đó, hòa giải viên cũng cần vận dụng các truyền thống tốt đẹp về tình mẫu tử (như: *“Nuôi con chẳng quản chi thân - Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn”*; *“Có tát cạn biển Đông mới tỏ tường lòng mẹ”*...), tình cảm gia đình để giúp các bên thấu hiểu lẫn nhau, chủ động chấm dứt mâu thuẫn.

Tình huống 2. Vợ chồng anh Lâm đang làm việc trong một bệnh viện tại tỉnh Đắk Lắk. Vì muốn con theo nghề nghiệp của mình nên đã định hướng cho con gái là cháu Thương thi vào ngành y đa khoa của một trường Đại học trên địa bàn tỉnh. Sau khi ra trường, cháu Thương có nguyện vọng vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc vì cháu cho rằng ở đây có môi trường năng động và có nhiều cơ hội để phát triển sự nghiệp. Tuy nhiên, vợ chồng anh Lâm cương quyết phản đối và bắt Thương phải làm việc tại tỉnh Đắk Lắk với lý do: *“Thương là con gái không được lập nghiệp xa nhà, phận làm con phải nghe theo lời bố mẹ”*. Thương không đồng ý và thể hiện thái độ bất mãn bằng cách trốn trong phòng nhiều ngày liền, không trò chuyện với ai.

Sự việc được đưa đến Tổ hòa giải để nhờ hướng dẫn, là hòa giải viên, Ông (bà) hòa giải trường hợp này như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi tốt nghiệp đại học, cháu Thương có nguyện vọng vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Tuy nhiên, bố mẹ Thương cương quyết phản đối và bắt Thương phải làm việc gần nhà, dẫn đến mâu thuẫn giữa bố mẹ với Thương

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Khoản 1 Điều 35 Hiến pháp năm 2013: *“Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc”*.

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình; Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con”*, như sau:

+ Khoản 3 Điều 2 (Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình) quy định: *“3. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con”*.

+ Khoản 1 Điều 69 quy định: Cha mẹ có nghĩa vụ *“Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội”*.

+ Điều 70 (Quyền và nghĩa vụ của con) quy định: *“1. Được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức; 2. Có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình...; 4. Con đã thành niên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình”*.

+ Điều 72 (Nghĩa vụ và quyền giáo dục con) quy định: *“1. Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập... 2. Cha mẹ hướng dẫn con chọn nghề; tôn trọng quyền chọn nghề, quyền tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của con”*.

3. Hướng hòa giải: Căn cứ các quy định trên của pháp luật để phân tích cho các bên hiểu theo hướng:

- Giải thích cho vợ chồng anh Lâm hiểu rằng: Thương đã thành niên nên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi làm việc phù hợp với niềm đam mê, khả năng của bản thân; đồng thời, Thương có quyền được cha mẹ tôn trọng quyết

định đó và cha mẹ có nghĩa vụ tôn trọng quyền chọn nghề, quyền tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của con.

Vợ chồng anh Lâm có thể khuyên bảo, phân tích những thuận lợi khi công tác tại địa phương, cũng như những khó khăn sẽ gặp phải khi công tác xa nhà để Thương cân nhắc lựa chọn và quyết định nơi làm việc. Vợ chồng anh Lâm không nên ngăn cản quyết định lựa chọn việc làm và nơi làm việc của Thương, vì như vậy không những làm ảnh hưởng đến tình cảm gia đình mà còn là hành vi vi phạm các quy định pháp luật nêu trên.

- Mặt khác, giải thích cho Thương hiểu rằng: việc cha mẹ ngăn cản không cho Thương đi làm xa nhà cũng là vì bố mẹ có những trăn trở, lo lắng cho tương lai của Thương. Nhất là con gái lại mới ra trường, từ trước đến nay chỉ chú tâm vào việc học, chưa va chạm nhiều với cuộc sống nên việc lập nghiệp xa nhà (tại thành phố Hồ Chí Minh) là rất khó khăn, vất vả, trong khi gia đình lại có điều kiện hỗ trợ Thương nếu ở lại địa phương công tác. Mặc dù, việc lựa chọn nơi làm việc là quyền của Thương nhưng nếu Thương vẫn lựa chọn thành phố Hồ Chí Minh để lập nghiệp thì Thương cần phải kiên trì thuyết phục, chứng minh khả năng quyết tâm của bản thân để cha mẹ hiểu và ủng hộ quyết định của mình, tránh những hành động bùng bột, thiếu suy nghĩ mà ảnh hưởng đến sức khỏe bản thân và khiến cho tình cảm gia đình xấu đi.

- Mâu thuẫn trên là xích mích thường gặp trong gia đình, do đó hòa giải viên cần vận dụng kỹ năng lắng nghe, thuyết phục... để cha mẹ và con cái hiểu, có hành xử đúng và không làm mâu thuẫn thêm nghiêm trọng.

- Bên cạnh đó, hòa giải viên cũng cần vận dụng các truyền thống tốt đẹp về tình cảm cha mẹ, gia đình (như: *“Muốn cho gần mẹ gần cha - Khi vào thúng thóc, khi ra quan tiền”*; *“Lên non mới biết non cao - Nuôi con mới biết công lao mẹ hiền”*...) để giúp các bên thấu hiểu lẫn nhau, chủ động chấm dứt mâu thuẫn.

II. Đất đai, môi trường (03 câu)

Tình huống 3. Năm 2016, gia đình ông Kháng chuyển nhượng cho ông Tam 500m² đất nông nghiệp với giá tiền là 300 triệu đồng. Hai bên đã nhận tiền và giao đất sau khi hoàn tất thủ tục chứng thực chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại UBND xã, hợp đồng thỏa thuận là ông Kháng hoàn tất các thủ tục liên quan để chuyển tên cho ông Tam. Sau khi nhận đất, ông Tam giao cho anh rể là anh Mạnh trồng chanh leo trên mảnh đất vừa nhận chuyển nhượng. Sau đó, do thấy anh Mạnh trồng chanh leo bán được giá cao, thu nhiều lợi nhuận nên ông Kháng càng nghĩ càng thấy tiếc mảnh đất mình đã chuyển nhượng cho ông Tam. Do vậy, lợi dụng việc chưa hoàn tất thủ tục sang nhượng theo quy định, ông Kháng muốn đòi thêm tiền cho đỡ bị thiệt hại, nhưng ông Tam không đồng ý.

Hai bên xảy ra tranh chấp. Nếu được phân công vụ việc trên, ông (bà) hòa giải như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Ông Kháng lợi dụng việc hai bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai, để đòi thêm tiền của ông Tam.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Điều 502, Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng về quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản theo hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này, pháp luật về đất đai ...*”; “*Việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật đất đai*”.

- Khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Hợp đồng chuyển nhượng... quyền sử dụng đất phải được công chứng hoặc chứng thực...*”;

- Khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính*”.

3. Hướng hòa giải: Căn cứ các quy định trên của pháp luật và nội dung mà các bên đã thỏa thuận để phân tích cho các bên hiểu theo hướng:

- Các bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung đã thỏa thuận. Khi thực hiện giao dịch trên, hai bên đã tuân thủ đúng quy định về hình thức của giao dịch là lập hợp đồng bằng văn bản có chứng thực của UBND xã. Vì vậy, việc ông Kháng đòi thêm tiền sau khi đã thỏa thuận trong hợp đồng đã được chứng thực bằng văn bản là không hợp lý.

Mặc dù theo quy định của pháp luật, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính. Nhưng theo hợp đồng đã ký kết, ông Kháng có trách nhiệm hoàn tất thủ tục liên quan để chuyển quyền sử dụng đất cho ông Tam, do đó ông Kháng phải thực hiện nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Hòa giải viên cần nêu truyền thống tốt đẹp về việc giữ chữ tín (như: “*Chữ tín còn quý hơn vàng*”...) để thuyết phục ông Kháng thực hiện nghĩa vụ của mình và chủ động hòa giải với ông Tam.

- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải và hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo nội dung của hợp đồng và quy định của pháp luật.

Tình huống 4. Gia đình anh Tài và anh Công cùng sử dụng nguồn nước sinh hoạt chung tại một con mương dẫn nước từ khúc sông vào (gia đình anh Tài ở đầu nguồn). Một hôm, thấy anh Tài vứt bịch rác có chứa nhiều vỏ chai bia, nước giải khát bằng thủy tinh, nhựa và các rác thải sinh hoạt xuống con mương, anh Công nói anh Tài không nên làm như vậy vì sẽ làm ô nhiễm nguồn nước, gây nguy hại đến sức khỏe của gia đình chúng tôi, nhưng anh Tài có những lời nói la mắng, thách thức anh Công. Vì vậy, giữa 2 bên đã xảy ra cãi vã to tiếng và nếu không có sự can ngăn, khuyên bảo kịp thời của hàng xóm thì 2 bên đã xảy ra xô xát.

Nếu được phân công hòa giải vụ việc trên, ông (bà) sẽ hòa giải như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa anh Tài và anh Công là do anh Tài vứt rác thải xuống nguồn nước sinh hoạt chung, gây nguy cơ ô nhiễm, mất vệ sinh nguồn nước. Anh Công thấy và ngăn cản nhưng anh Tài không nghe mà lại còn thách thức.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Khoản 1 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về hành vi cấm “...*đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*”.

- Khoản 1 Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “*Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải;...*”.

- Khoản 1 Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về trách nhiệm bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân: “*Giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định*”.

- Khoản 1 Điều 9 Luật Tài nguyên nước năm 2012 quy định cấm hành vi “*Đổ chất thải, rác thải, đổ hoặc làm rò rỉ các chất độc hại vào nguồn nước và các hành vi khác gây ô nhiễm*”.

3. Hướng hòa giải: Căn cứ các quy định trên của pháp luật để phân tích cho các bên hiểu theo hướng:

- Giải thích cho anh Tài thấy việc vứt, xả rác, chất thải xuống nguồn nước sinh hoạt chung như thế là làm ô nhiễm môi trường, gây mất vệ sinh chung, sẽ dẫn tới mâu thuẫn với những người xung quanh (cụ thể đã mâu thuẫn với anh

Công); đồng thời, đây cũng là hành vi vi phạm pháp luật, nên phải chấm dứt hành vi này (không nên tiếp tục làm như vậy nữa).

- Hòa giải viên cần vận dụng truyền thống tốt đẹp về tình làng nghĩa xóm (như *“bán anh em xa, mua láng giềng gần”*, *“tối lửa tắt đèn có nhau”*,...) để thuyết phục hai bên kìm chế, không để xảy ra mâu thuẫn, không nên to tiếng làm mất an ninh trật tự khối, xóm và làm mâu thuẫn thêm nghiêm trọng.

- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải và hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tình huống 5. Gia đình anh Hoàn và chị Dương cùng trú tại tổ dân phố A., vào ngày 24/5/2023, anh Hoàn trên đường đi làm về đã phát hiện chị Dương cầm túi rác sinh hoạt đang định vứt ra ngoài đường phố, anh Hoàn thấy vậy đã ngăn cản và nói chị Dương không nên xả rác ra đường phố như vậy. Tuy nhiên, chị Dương không nghe nên giữa 2 bên đã xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau.

Là hòa giải viên, nếu chứng kiến vụ việc trên, ông (bà) sẽ hòa giải như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa anh Hoàn và chị Dương là do chị Dương vứt rác ra ngoài đường phố, gây nguy cơ mất vệ sinh môi trường bị anh Hoàn phát hiện và ngăn cản.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Khoản 1 Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng: *“Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải...”*.

- Khoản 1 Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân: *“Giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định”...*;

- Về hành vi thải rác thải trái quy định về bảo vệ môi trường: Tại điểm d khoản 2 Điều 25 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định: *“Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải trên vỉa hè, lòng đường hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt; đổ nước thải không đúng quy định trên vỉa hè, lòng đường phố”...*;

3. Hướng hòa giải: Căn cứ các quy định trên của pháp luật để phân tích cho các bên hiểu theo hướng:

- Giải thích cho chị Dương thấy việc xả rác thải ra ngoài đường phố làm ô nhiễm môi trường, gây mất vệ sinh chung, sẽ dẫn tới mâu thuẫn với những người xung quanh (cụ thể đã mâu thuẫn với anh Hoàn); đồng thời, việc xả rác thải ra ngoài đường không đúng nơi quy định là hành vi sai trái, vi phạm pháp luật, sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật (nêu trên), nên chị cần phải chấm dứt ngay việc làm không phù hợp này của mình.

- Khuyến anh Hoàn bình tĩnh giải thích, không nên quá nóng nảy, cãi vã với chị Dương sẽ dễ dẫn đến những chuyện không hay khác.

- Mâu thuẫn trên chỉ là xích mích nhỏ, không đáng có, vì vậy, hòa giải viên cần thuyết phục để hai bên đạt được đồng thuận, chủ động cùng nhau bảo vệ môi trường vì mục đích chung.

- Hòa giải viên vận dụng truyền thống, đạo đức tốt đẹp của người Việt Nam; tinh thần biết hy sinh vì lợi ích tập thể “*mình vì mọi người*”; nếp sống văn hóa; ý thức “*Bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của chúng ta*” để thuyết phục các bên cùng nhau xây dựng khu phố “*xanh, sạch, đẹp*”.

III. Hôn nhân và gia đình (06 câu)

Tình huống 6. Anh An và chị Hương kết hôn được 07 năm và có 02 người con: 01 trai, 01 gái. Thấy con gái có vẻ không giống cha, anh nghi ngờ cho rằng bé gái không phải con của mình. Anh thường xuyên gây gỗ, chì chiết vợ khiến cuộc sống gia đình mâu thuẫn, ngột ngạt. Nói mãi mà chồng vẫn không tin, chị Hương tìm đến Tổ hòa giải nhờ giúp đỡ.

Nếu được giao hòa giải, ông/bà sẽ hòa giải như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Xuất phát từ việc anh An nghi ngờ rằng bé gái không phải con của mình.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc xác định cha, mẹ, như sau:

“1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng.

Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân.

Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.

2. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định”.

- Điều b khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 (có hiệu lực thi hành hành từ ngày 01/7/2023) quy định: “1. *Hành vi bạo lực gia đình bao gồm: b) Lãng mạ, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm*”.

- Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình: “*Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lãng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình*”.

3. Hướng hòa giải: Hòa giải viên vận dụng các quy định nêu trên để phân tích cho vợ chồng anh An chị Hương hiểu, theo hướng:

- Đối với anh An: Phân tích để anh hiểu rằng đã là vợ chồng thì phải tuyệt đối tin tưởng, chia sẻ lẫn nhau, dẫu sao anh chị cũng đã có quá trình tìm hiểu, yêu đương và đi đến kết hôn, cùng nhau đầu ấp, tay gối 07 năm, kết quả tình yêu đó là 02 đứa con đáng yêu của anh chị, là niềm hạnh phúc vô bờ bến mà không phải tất cả các cặp vợ chồng muốn cũng đều có được, nên anh cần phải biết trân quý và tin yêu vợ con hơn; đồng thời, anh cũng phải suy nghĩ, nhìn nhận một cách nghiêm túc, tích cực từ quá trình tìm hiểu cho đến khi anh chị kết hôn, chung sống vợ chồng và có với nhau 02 mặt con, từ đó xem xét lại vợ mình liệu có đáng phải chịu sự nghi ngờ từ phía mình hay không. Con không giống cha mẹ thì có thể giống ông bà, họ hàng trong dòng tộc..., nếu chỉ vì cảm tính đó để rồi suy diễn, nghi ngờ và cho rằng con gái không phải con của mình là chưa thoả đáng.

Mặt khác, giải thích cho anh An hiểu rằng: Hành vi không thừa nhận con mình là không đúng quy định của pháp luật (nêu trên), vì con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Việc anh An không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định.

- Đối với chị Hương: Khuyến chị nên thật bình tĩnh “*không có tật không gì phải giết mình*” để phối hợp, giải thích rõ những nghi vấn từ chồng nhằm tìm được tiếng nói chung trong trường hợp này, qua đó tin tưởng ở nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng chăm sóc, yêu thương con cái.

- Hòa giải viên vận dụng các truyền thống tốt đẹp của người Việt (*như: “vợ chồng đầu gối tay ấp”, “đạo vợ, nghĩa chồng”, “Bạn nghèo thuở trước chớ quên/Vợ cùng kham khổ, chẳng nên phụ tình.”...*) để hướng dẫn, giải thích, thuyết phục anh chị biết tin tưởng, thương yêu nhau, biết trân quý thời gian bên nhau; nhất là anh An không vì cảm tính mà suy diễn vô cớ để có thể tự mình làm mất đi hạnh phúc gia đình với hành vi suy diễn không đáng có này. Hơn nữa, việc anh thường xuyên gây gỗ, chì chiết chị là một trong những hành vi bạo lực gia đình theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, hành vi này cần phải được chấm dứt ngay.

- Trong trường hợp không thuyết phục được anh An hoặc anh An vẫn cố tình bảo thủ quan điểm của mình thì hòa giải viên quyết định chấm dứt việc hoà giải và có thể hướng dẫn anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tình huống 7. Anh Tiến (27 tuổi) và chị Vân (28 tuổi) đều có nghề nghiệp ổn định và có đủ điều kiện kết hôn. Sau thời gian dài tìm hiểu, anh, chị đã quyết định việc kết hôn. Song do trước đây, mẹ anh Tiến có mâu thuẫn với gia đình chị Vân nên khi anh chị về xin phép gia đình tổ chức lễ cưới, mẹ anh Tiến đã không đồng ý.

Tuy vậy, họ vẫn quyết định kết hôn và cùng đến Ủy ban nhân dân xã, hoàn tất thủ tục xin đăng ký kết hôn. Biết chuyện, mẹ anh Tiến đã đến Ủy ban nhân dân xã làm âm ỉ, yêu cầu không cho anh Tiến và chị Vân đăng ký kết hôn. Bà còn gặp chị Vân mắng chửi và dọa sẽ từ mặt con nếu anh Tiến và chị Vân vẫn cố tình đăng ký kết hôn. Để giải tỏa mâu thuẫn, Anh Tiến đã xin tạm hoãn ngày đăng ký kết hôn lại và đến nhờ Tổ hòa giải giúp đỡ thuyết phục mẹ mình.

Nếu được giao hòa giải vụ việc này, ông/bà sẽ hòa giải như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: mẹ anh Tiến không đồng ý để anh Tiến kết hôn với chị Vân vì trước đây mẹ anh Tiến có mâu thuẫn với gia đình chị Vân.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Điều 8 (Điều kiện kết hôn) Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện: (i) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; (ii) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; (iii) Các bên không bị mất năng lực hành vi dân sự; (iv) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn sau:*

- Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;

- *Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;*

- *Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;*

- *Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng”.*

- Khoản 10 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải thích về cản trở kết hôn như sau: “*Cản trở kết hôn là việc đe dọa, uy hiếp tinh thần, hành hạ, ngược đãi, yêu sách của cải hoặc hành vi khác để ngăn cản việc kết hôn của người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này*”.

- Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cấm những hành vi như sau: “*Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn... Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình*”.

- Điểm đ khoản 1 Điều 59 (Hành vi vi phạm quy định về kết hôn, ly hôn và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng) Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, quy định: “*Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối hành vi cản trở kết hôn*”.

- Điều 181 (Tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện) Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “*Người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ hoặc cưỡng ép hoặc cản trở người khác ly hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm*”.

3. Hướng hòa giải: Phân tích để các bên hiểu và thỏa thuận (thực hiện) theo hướng:

- Đối với anh Tiến: Khuyến anh nên tìm hiểu cụ thể về mâu thuẫn giữa mẹ anh và gia đình chị Vân. Đồng thời, phối hợp với chị Vân để vận động gia đình chị có thiện ý hoá giải mâu thuẫn với mẹ anh vì hạnh phúc của con em mình.

- Đối với mẹ anh Tiến: Tạo cơ hội tiếp xúc, trao đổi, phân tích để mẹ anh Tiến hiểu rằng:

+ Về mặt pháp lý, anh Tiến và chị Vân có quyền kết hôn với nhau mà không cần phải có sự đồng ý của cha, mẹ. Tuy nhiên, về mặt xã hội, con cái nào cũng mong cuộc hôn nhân của mình được cha mẹ ủng hộ, tán thành, vì cha sinh, mẹ dưỡng, công cha nghĩa mẹ, tình cảm cha mẹ con.....

+ Việc bà lên xã làm âm ỉ, yêu cầu không cho anh Tiến và chị Vân đăng ký kết hôn và việc bà gặp chị Vân mắng chửi, dọa sẽ từ mặt con nếu 2 anh chị vẫn cố tình đăng ký kết hôn là hành vi cản trở việc kết hôn, nếu tiếp tục bà có thể bị xử lý vi phạm hành chính, thậm chí bị xử lý hình sự theo các quy định nêu trên.

Bên cạnh đó, Hòa giải viên cần thuyết phục mẹ anh Tiến để bà hiểu việc anh Tiến muốn kết hôn chị Vân là hoàn toàn tự nguyện, chân thành, trên cơ sở tình cảm và có quá trình tìm hiểu kỹ càng, hôn nhân được xây dựng trên nền tảng của tình yêu thì mới có hạnh phúc dài lâu. Bà càng cấm cản thì càng khiến con trai đau khổ, để từ đó vì yêu thương con trai, quan tâm đến tương lai của con trai và tình cảm gia đình sau này bà không phản đối việc kết hôn của anh chị nữa.

- Trường hợp nhận thấy mẹ anh Tiến phản ứng quá căng thẳng, hòa giải viên và một trong các bên khi được sự đồng ý của bên kia có thể mời người có uy tín trong dòng họ cùng tham gia phân tích, giải thích cho mẹ anh Tiến hiểu và ủng hộ hôn nhân của con mình.

- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên quyết định kết thúc hoà giải. Trường hợp nhận thấy anh Tiến và chị Vân thực sự tự nguyện, quyết tâm tiến đến hôn nhân dù bị ngăn cản thì hướng dẫn anh, chị tiếp tục đề nghị UBND xã đăng ký kết hôn.

Tình huống 8. Sau khi kết hôn được 3 năm, vợ chồng chị Lan và anh Bình mua 01 thửa đất tại phường X với diện tích 120m², trong đó có 40m² đất ở. Tuy nhiên, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Lan thấy chỉ ghi tên một mình anh Bình. Cho rằng anh Bình có ý đồ riêng, chị Lan đòi anh Bình phải đi bổ sung tên chị vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng anh Bình cho rằng dù chỉ ghi tên anh thì vẫn là tài sản của gia đình, không cần thiết phải đổi đi đổi lại cho phức tạp. Vì việc này, hàng ngày chị Lan đều dằn vặt, day dứt chồng, hai vợ chồng cãi nhau. Anh Bình phải nhờ đến Tổ hòa giải của Tổ dân phố giúp đỡ mình hoá giải mâu thuẫn này.

Nếu được phân công hòa giải vụ việc trên, ông (bà) sẽ hòa giải như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị Lan cho rằng anh Bình có mục đích riêng khi đứng tên một mình trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi đây là tài sản chung; còn anh Bình thì không chịu đi đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên chung của cả 02 vợ chồng nên dẫn đến mâu thuẫn.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tài sản chung của vợ chồng như sau: “... *Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng*”.

- Khoản 4 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, như sau: “*Trường hợp quyền sử dụng đất... là tài sản chung của vợ và chồng thì phải ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Trường hợp quyền sử dụng đất... là tài sản chung của vợ và chồng mà Giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi họ, tên của vợ hoặc chồng thì được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất..., để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng nếu có yêu cầu*”.

3. Hướng hòa giải: Phân tích để các bên hiểu và thỏa thuận (thực hiện) theo hướng:

- Đối với chị Lan: Cần phân tích, giải thích để chị hiểu rằng tuy yêu cầu của chị là chính đáng, nhưng theo pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quyền sử dụng đất trên mặc dù chỉ ghi tên một mình anh Bình nhưng tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân, nên đương nhiên là tài sản chung của vợ chồng; do đó, chị Lan không nên to tiếng, day nhien chồng, gây không khí căng thẳng trong gia đình. Thay vào đó, chị cũng nên tìm hiểu thấu đáo lý do chồng không muốn đi sửa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phải do ngại thủ tục không. Nếu đúng, chị có thể đi làm thay anh nếu chị có nhu cầu ghi cả tên mình vào Giấy chứng nhận.

- Đối với anh Bình: Cần phân tích để anh hiểu đây là tài sản chung của hai vợ chồng, chị Lan cũng có quyền đối với tài sản này và mong muốn của chị cũng hoàn toàn chính đáng. Do đó, anh Bình nên chủ động điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để gia đình hòa thuận, êm ấm.

- Hòa giải viên cần vận dụng về đạo nghĩa vợ chồng, truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam (như: *“Thuận vợ, thuận chồng tát biển đông cũng cạn”*, *“Vợ chồng là nghĩa cả đời? Ai ơi, chớ nghĩ những lời thiệt hơn”*,...) để giải thích cho hai bên hiểu rằng vợ chồng cần phải yêu thương, tin tưởng, tôn trọng nhau, không nên vì xích mích nhỏ, không đáng có mà ảnh hưởng đến tình cảm gia đình. Đồng thời, thuyết phục hai bên chủ động hòa giải, thỏa thuận với nhau, không để mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng.

Sau khi phân tích cho 02 vợ chồng, hòa giải viên có thể khuyến khích họ tự trao đổi với nhau để thống nhất việc: (1). Có đi điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không. (2). Nếu đi thì ai là người đi cho phù hợp, thuận tiện..., nhằm tạo không khí cởi mở để vợ chồng anh chị hiểu rõ hơn quy định của pháp luật và không lo nghĩ lung tung, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình.

Tình huống 9. Sau khi ly hôn được hơn 04 tháng với anh An, chị Bình trở dạ và sinh 01 bé trai khá khinh. Là người sống nội tâm, anh An thường xuyên đến đề nghị được gặp con và thực hiện nghĩa vụ của một người cha nhưng đều bị chị Bình từ chối. Chị Bình cho rằng, hai người đã ly hôn, con sinh ra sau khi hai người ly hôn, nên con là của riêng chị, không liên quan đến anh An.

Sự việc được đưa đến Tổ hòa giải, là Hòa giải viên, ông (bà) hòa giải trường hợp này như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi ly hôn với anh An, chị Bình sinh con, khi anh An đến đề nghị được gặp con và thực hiện nghĩa vụ của một người cha thì chị Bình ngăn cản, không cho. Chị cho rằng con sinh ra sau khi hai người đã ly hôn, nên con là của riêng chị, không liên quan đến anh An.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Cá nhân có quyền xác định cha, mẹ, con...”*

- Khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng.*

Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân”.

- Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.*

- Khoản 1 Điều 70 (Quyền và nghĩa vụ của con) Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức”*.

- Điều 15 (Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng) Luật Trẻ em năm 2016: *“Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện”*.

- Điều 22 (Quyền được sống chung với cha, mẹ) Luật Trẻ em năm 2016: *“Trẻ em có quyền được sống chung với cha, mẹ; được cả cha và mẹ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, trừ trường hợp cách ly cha, mẹ theo quy định của pháp luật hoặc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em...”*.

- Điều 23 (Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ) Luật Trẻ em năm 2016: *“Trẻ em có quyền được biết cha đẻ, mẹ đẻ, trừ trường hợp ảnh hưởng đến lợi ích tốt nhất của trẻ em...”*.

- Điểm g khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2023) quy định: *“Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con...”* được coi là hành vi bạo lực gia đình.

- Điều 56 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình: *“Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con...”*.

3. Hướng hòa giải: Trên cơ sở vận dụng các quy định trên của pháp luật (nêu trên) để phân tích cho các bên hiểu theo hướng:

- Đối với chị Bình: Giải thích cho chị hiểu rằng, trong trường hợp này pháp luật vẫn công nhận bé trai chị sinh ra là con chung của anh An và chị. Chính vì vậy, anh An có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con. Việc chị cản trở không cho anh gặp con là trái quy định pháp luật và có thể bị xử phạt vi phạm hành chính; đồng thời, phân tích rõ cho chị Bình hiểu rằng, ly hôn là chuyện của cha mẹ, không nên làm ảnh hưởng đến con cái. Đứa trẻ nào cũng cần có đầy đủ sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc của cả cha lẫn mẹ, điều đó tạo thuận lợi cho sự phát triển cả về thể chất lẫn tâm lý của trẻ và đây cũng là những quyền của trẻ em được pháp luật bảo vệ. Cha mẹ ly hôn khi cháu bé còn trong bụng mẹ, lớn lên không có sự quan tâm, chăm sóc của cha thì sẽ là thiệt thòi lớn cho cháu. Vì con, vì sự phát triển của con, chị cần tạo điều kiện để con được gặp gỡ, tiếp xúc với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

- Đối với anh An: Giải thích cho anh hiểu rằng, dù anh được quyền thăm nom con sau khi hai vợ chồng ly hôn; tuy nhiên, anh không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày của mẹ con chị cũng như việc nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Bình.

- Hòa giải viên sử dụng kỹ năng phân tích, thuyết phục khi tiến hành hòa giải; đồng thời, vận dụng các truyền thống tốt đẹp về tình nghĩa vợ chồng, tình cảm cha con (như: *“một ngày vợ chồng, nghìn năm ân nghĩa; “hết tình còn nghĩa; Cha là bóng mát giữa trời - Cha là điểm tựa bên đời của con”...*) để xoa dịu mâu thuẫn của hai bên, để hiểu và tự nguyện chấm dứt mâu thuẫn.

- Trường hợp các bên vẫn không thống nhất được hoặc chị Bình vẫn ngăn cản quyền thăm nom con, thì hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải và hướng dẫn anh An đến Tòa án đề nghị giải quyết quyền thăm nom con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tình huống 10. Chị Ba và anh Bảy ly hôn, chị Ba nuôi con gái chung của hai người, còn anh Bảy có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đ/tháng.

Trước năm 2022, anh Bảy vẫn thực hiện đầy đủ. Nhưng từ tháng 01/2022 đến nay, anh Bảy không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nữa với lý do mới tái hôn và vợ mới sinh con, phải lo toan cho gia đình mới. Chị Ba không đồng ý, nhiều lần chị yêu cầu anh Bảy phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo đúng phán quyết của Tòa án, nếu không chị sẽ không cho anh gặp con. Vì thế, giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn.

Nếu được giao hòa giải vụ việc này, ông (bà) sẽ hòa giải như thế nào?

Gợi ý hoà giải:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh Bảy không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng sau ly hôn theo phán quyết của Tòa án. Chị Ba đã nhiều lần yêu cầu anh Bảy thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình, nếu không chị sẽ không cho anh gặp con, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn giữa hai người.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng sau khi ly hôn:

Khoản 2, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; ...”*.

- Về thay đổi mức cấp dưỡng:

Khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng*

do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”.

- Về xử phạt vi phạm trong việc cấp dưỡng nuôi con:

Điều 57 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, quy định:

“1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn; từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa anh, chị, em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu theo quy định của pháp luật;

b) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng cha, mẹ; nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện nghĩa vụ đóng góp, nuôi dưỡng theo quy định đối với các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này”.

- Về tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng tại Điều 186 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *"Người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật mà từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, làm cho người được cấp dưỡng lâm vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 380 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm".*

3. Hướng hòa giải: Trên cơ sở vận dụng các quy định pháp luật vừa nêu, phân tích để các bên hiểu và thỏa thuận (thực hiện) theo hướng:

- Đối với anh Bảy: Phân tích để anh thấy mình có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đúng theo quyết định của Tòa án; nếu anh cố tình trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng thì có thể bị xử lý vi phạm hành chính, trường hợp dẫn đến hậu quả nghiêm trọng thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các quy định của pháp luật nêu trên. Hơn nữa, việc cấp dưỡng cho con còn là cơ sở cho thấy trách nhiệm của người làm cha, thể hiện sự quan tâm, chăm sóc của người cha đối với con cái. Nếu vì có gia đình mới mà anh không cấp dưỡng cho con nữa, sẽ khiến

con trẻ có suy nghĩ cha có gia đình mới nên không còn quan tâm, bỏ rơi mình, làm tổn thương tinh thần, tâm lý cháu bé sau này.

Tuy nhiên, nếu gặp khó khăn anh Bảy có thể thỏa thuận với chị Ba về mức cấp dưỡng hoặc có quyền đề nghị Tòa án xem xét lại mức cấp dưỡng cho phù hợp.

- Đối với chị Ba: Chị có quyền yêu cầu anh Bảy cấp dưỡng cho con hàng tháng đúng mức tiền Tòa án quyết định nhưng chị không có quyền cản trở anh Bảy trong việc thăm con. Việc ngăn cản tình cảm thiêng liêng giữa cha và con là trái với đạo lý, làm tổn hại đến tình cảm của con, đồng thời cũng là hành vi vi phạm pháp luật.

- Hòa giải viên cần vận dụng kỹ năng phân tích, thuyết phục khi tiến hành hòa giải; đồng thời, cần xoa dịu hai bên bằng cách đưa ra lý lẽ vì lợi ích của con, các bên nên thỏa thuận cùng nhau thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng của mình với cháu bé, đảm bảo cho cháu có cuộc sống vật chất và tinh thần tốt nhất có thể.

- Trường hợp các bên vẫn không thỏa thuận được cách giải quyết thì hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải và hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan có thẩm quyền (Tòa án, cơ quan Thi hành án) giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tình huống 11. Sau khi kết hôn, cho rằng mình là người làm ra tiền, vợ lương thấp nên anh Kha không cho phép chị Mai (là vợ) tham gia ý kiến khi mua sắm, định đoạt tài sản của gia đình, kể cả việc mua sắm những vật dụng nhỏ. Nhiều lần chị Mai góp ý anh nên bàn bạc để thống nhất giữa vợ và chồng nhưng anh Kha không nghe. Nhiều lúc chán, chị Mai sinh cãi vã, bức xúc, vợ chồng to tiếng. Gần đây vợ chồng anh Kha thường xuyên xung đột, cãi vã, cuộc sống gia đình rất căng thẳng làm ảnh hưởng đến trật tự khu dân cư.

Nếu được phân công hòa giải vụ việc, ông (bà) sẽ hòa giải như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Anh Kha nghĩ rằng mình là người làm ra tiền nên không cho phép vợ tham gia ý kiến vào bất kỳ vấn đề gì liên quan đến việc định đoạt tài sản của vợ chồng anh chị. Còn chị Mai không đồng ý với quan điểm trên, sau nhiều lần tranh cãi vẫn không giải quyết được nên mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng nghiêm trọng.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Khoản 2 Điều 18 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định: “... 2. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng

trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình...”.

- Khoản 1 Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập*”.

3. Hướng hòa giải: Căn cứ các quy định trên, hòa giải viên cần phân tích để anh Kha hiểu:

“Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”, anh có thể tập trung làm việc có thu nhập cao thì trong đó có phần đóng góp công lao của vợ đã quán xuyến, chăm sóc gia đình, con cái để anh yên tâm làm việc.

Vợ anh vừa phải đi làm, vừa phải chăm lo cho gia đình, chồng con nên không thể toàn tâm, toàn ý kiếm tiền để có thu nhập cao như anh được.

“Của chồng, công vợ”, anh nên tôn trọng sự đóng góp của vợ, chị cũng có quyền được thỏa thuận, bàn bạc, quyết định trong việc sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng. Việc anh không cho phép chị tham gia ý kiến khi mua sắm ngoài việc không đúng với quy định của pháp luật, còn thể hiện sự thiếu tôn trọng đối với người “đầu gối tay ấp” cùng mình và là mẹ của các con anh. Một gia đình không có sự bình đẳng, tôn trọng, chia sẻ ngọt ngào thì không còn là một gia đình đúng nghĩa và cũng không thể đảm bảo bền vững được.

Trên cơ sở đó, thuyết phục anh Kha vì tình cảm vợ chồng không nên cãi vã to tiếng và không để xảy ra xung đột; anh nên xem xét lại hành vi của mình và biết yêu thương chia sẻ với vợ của mình hơn.

IV. Bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình (02 câu)

Tình huống 12. Anh Bảo và chị Ánh lấy nhau đã hơn 10 năm. Từ hai bàn tay trắng, nhờ chăm chỉ, chịu khó, cộng thêm may mắn, anh chị đã tạo dựng được cơ ngơi khang trang, có cửa ăn, cửa để. Tưởng sẽ có được hạnh phúc viên mãn nào ngờ sẵn có tiền trong tay, anh Bảo lại sinh tật cờ bạc, thường xuyên cáu gắt với vợ. Vì nghĩ đến các con nên chị Ánh vẫn cố gắng giữ gìn hạnh phúc. Nhưng càng cố gắng nhẫn nhịn bao nhiêu thì anh Bảo càng quá quắt bấy nhiêu. Gần đây, mỗi lần về đến nhà là anh đều đánh chị những trận đòn thừa sống, thiếu chết. Đỉnh điểm, anh còn đuổi chị ra khỏi nhà khiến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Nếu được phân công hòa giải, ông (bà) giải quyết vụ việc này như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Anh Bảo có tật cờ bạc, thường xuyên cáu gắt với vợ, trong khi đó người vợ vẫn nhẫn nhịn. Tuy nhiên, anh ngày càng quá quắt, thậm chí đánh vợ và đuổi vợ ra khỏi nhà khiến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng trầm trọng.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...*”.

- Điểm a, q khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2023) quy định các hành vi: “*Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng*” và “*Cưỡng ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật*” là các hành vi bạo lực gia đình.

- Khoản 1 Điều 9 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2023) quy định về các quyền mà người bị bạo lực gia đình gồm: “*a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác có liên quan đến hành vi bạo lực gia đình; b) Yêu cầu cơ quan, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ theo quy định của Luật này; c) Được bố trí nơi tạm lánh, giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình theo quy định của pháp luật; d) Được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình, trợ giúp pháp lý và trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật...*”

- Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ và phòng, chống bạo lực gia đình, quy định: “*Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình*”.

- Điều 59 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ và phòng, chống bạo lực gia đình, quy định:

“*1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.*

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa bằng bạo lực để buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.”

- Hành vi cờ bạc của anh Bảo có thể phạm vào “Tội đánh bạc” quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3. Hướng hòa giải: Trên cơ sở vận dụng các quy định pháp luật vừa nêu, phân tích để các bên hiểu và thỏa thuận (thực hiện) theo hướng:

- Đối với anh Bảo: Giải thích cho anh Bảo hiểu việc anh chơi cờ bạc không những là hành vi vi phạm pháp luật mà còn gây tổn hại đến kinh tế gia đình. Anh chị đã cùng nhau tạo lập, có của ăn của để rồi thì anh càng phải quý trọng công sức của mình, chứ không nên sa đà vào cờ bạc, vì “*cờ bạc là bác thằng bần*”. Bên cạnh đó, việc anh đánh đập, đuổi vợ ra khỏi nhà là hành vi bạo lực gia đình, vi phạm pháp luật và hành vi này sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, thậm chí bị xử lý hình sự theo các quy định của pháp luật nêu trên. Là người chồng, người cha, anh phải sống mẫu mực có trách nhiệm với gia đình, phải biết yêu thương, chăm sóc vợ con mình... Nếu anh cứ tiếp tục như vậy, thì tình cảm gia đình ngày càng sút mẻ và hậu quả xấu nhất là hạnh phúc gia đình có thể tan vỡ, nên anh cần phải biết tu chí làm ăn, bỏ tật cờ bạc và dành thời gian để yêu thương, chăm sóc cho vợ con mình.

- Đối với chị Ánh: Khuyên chị Ánh kiên trì khuyên bảo và giúp đỡ anh Bảo bỏ tật cờ bạc, để cùng nhau xây dựng gia đình đầm ấm, hòa thuận. Nếu anh Bảo vẫn có những hành vi bạo lực với chị thì nên mạnh dạn thông báo với tổ chức, chính quyền địa phương để được giúp đỡ, không nên tiếp tục nhẫn nhịn, dung túng với hành vi bạo lực mà chồng thường xuyên gây ra cho mình.

- Hòa giải viên sử dụng kỹ năng phân tích, thuyết phục khi tiến hành hòa giải; đồng thời, vận dụng các truyền thống tốt đẹp về tình nghĩa vợ chồng (như: “*Đạo nào bằng đạo phu thê - Tay áp, má kê, sinh tử có nhau*”; “*Của chồng công vợ*”...) để xoa dịu mâu thuẫn của vợ chồng anh chị.

- Trong trường hợp đã được hòa giải mà anh Bảo vẫn tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình, hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải và hướng dẫn chị Ánh đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có biện pháp hỗ trợ, bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Tình huống 13. Chị My và anh Khoa đã kết hôn được 05 năm. Từ khi cưới đến nay, anh Khoa luôn có tính đa nghi, ghen tuông vô cớ. Anh thường xuyên tra khảo chi tiết về những việc chị đã làm trong ngày và ngăn cấm chị giao lưu, tiếp xúc với bạn bè. Gần đây, vì bận công việc chị phải đi sớm về trễ. Thấy vậy, anh Khoa không những không thông cảm cho chị mà còn thường xuyên chì chiết, lăng mạ chị vì nghĩ rằng chị có người đàn ông khác. Chị My nhiều lần giải thích nhưng anh Khoa không nghe. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng căng thẳng nên chị My đã đến nhờ Tổ hòa giải giúp đỡ.

Ông (bà) hoà giải vụ việc này như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Anh Khoa thường xuyên chì chiết, lăng mạ chị My, vì nghĩ rằng chị có người đàn ông khác. Chị My nhiều lần giải thích nhưng anh Khoa không nghe, nên dẫn đến mâu thuẫn.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Khoản 1 Điều 19, Điều 23 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”*; *“Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội”*.

- Điểm b khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định: *“Lăng mạ, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm”* là hành vi bạo lực gia đình.

- Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ và phòng, chống bạo lực gia đình quy định: *“Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lăng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình”*.

3. Hướng hòa giải: Trên cơ sở vận dụng các quy định pháp luật vừa nêu, phân tích để các bên hiểu và thỏa thuận (thực hiện) theo hướng:

- Đối với anh Khoa: Giải thích cho anh hiểu rằng là chồng cần phải tôn trọng, yêu thương, quan tâm, chăm sóc vợ. Trong gia đình, vợ chồng phải tuyệt đối tin tưởng, thông cảm cho nhau thì hạnh phúc mới bền vững. Việc chị My đi sớm về muộn là điều chị không hề mong muốn, chỉ vì công việc mà buộc chị phải như vậy. Hành vi anh thường xuyên chì chiết, lăng mạ chị, không lắng nghe chị là hành vi bạo lực gia đình, là vi phạm pháp luật. Thay vì như vậy, anh nên tạo điều kiện để chị làm tốt công việc của mình, quan tâm và chia sẻ với chị để tình cảm vợ chồng càng khăng khít.

- Đối với chị My: Hòa giải viên nên khuyên chị bình tĩnh, khéo léo giải thích với chồng hoặc nhờ sự hỗ trợ của bạn bè, đồng nghiệp để chứng minh cho lời giải thích của mình. Bên cạnh đó, để có được sự tin tưởng của chồng, chị nên quan tâm, thể hiện tình cảm với anh nhiều hơn; đồng thời, nên chia sẻ những suy nghĩ, mong muốn của mình cho anh hiểu, cũng như trong quan hệ, giao lưu cần rõ ràng, dứt khoát để tránh sự hiểu lầm không đáng có từ chồng.

- Hòa giải viên sử dụng kỹ năng phân tích, thuyết phục khi tiến hành hòa giải; đồng thời, lồng ghép, vận dụng các truyền thống tốt đẹp về tình nghĩa vợ

chồng (như: “Đạo nào bằng đạo phu thê - Tay áp, má kẻ, sinh tử có nhau”; “Vợ chồng là nghĩa cả đời - Ai ơi, chớ nghĩ những lời thiệt hơn”...) để thuyết phục vợ chồng phải biết tin tưởng, thương yêu, thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống để cùng vun đắp, xây dựng gia đình êm ấm, hạnh phúc, cùng nhau đóng góp chung với cộng đồng, với xã hội để làm cho cuộc sống thêm vui tươi, hạnh phúc hơn.

V. Dân sự (04 câu)

Tình huống 14. Nhà ông Mão và nhà bà Lan là hai hộ liền kề, có ranh giới là hàng cây chè tàu được trồng từ hơn 35 năm trước được hai bên thừa nhận. Để chuẩn bị xây nhà mới, ông Mão đề nghị bà Lan cho phá hàng chè tàu để xây tường rào chung, nhưng bà Lan không đồng ý. Theo bà Lan, ông Mão muốn xây tường thì cứ xây trên phần đất nhà mình, nếu phá hàng chè tàu sẽ lấn sang phần đất của nhà bà. Ông Mão thì cho rằng hàng chè tàu là ranh giới chung giữa 2 gia đình, việc xây tường rào cũng là vì lợi ích chung nên ông vẫn cứ cho phá hàng chè tàu để xây tường rào, kể cả trong trường hợp bà Lan không đồng ý, do đó hai nhà đã phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn. Nếu được giao hòa giải vụ việc, ông (bà) sẽ hòa giải như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Hai bên không thống nhất được việc xây dựng tường rào chung làm ranh giới thay thế cho hàng chè tàu đã có 35 năm trước nên dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận... Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung.

2. Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Người sử dụng đất chỉ được trồng cây và làm các việc khác trong khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của mình và theo ranh giới đã được xác định; ...”

- Khoản 2 Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Các chủ sở hữu bất động sản liền kề có thể thỏa thuận với nhau về việc xây dựng cột mốc, hàng*

rao, trồng cây, xây tường ngăn trên ranh giới để làm mốc giới ngăn cách giữa các bất động sản...".

3. Hướng hòa giải: Trên cơ sở quy định tại Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015 để phân tích cho các bên hiểu và thỏa thuận (thực hiện) theo hướng:

- Cần thuyết phục để bà Lan hiểu rõ ông Mão không lấn, chiếm hay thay đổi mốc giới ngăn cách, vẫn tôn trọng và duy trì ranh giới chung; ông Mão chỉ muốn xây tường ngăn trên ranh giới để làm mốc giới ngăn cách thay cho hàng chèn tàu trước đó; việc xây bức tường kiên cố vừa sạch, đẹp, vừa đảm bảo an toàn cho cả hai gia đình và là sở hữu chung, lợi ích chung của hai gia đình.

- Trong trường hợp bà Lan không đồng ý, có thể khuyên ông Mão xây tường trên phần đất nhà mình nhưng không được làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của bà Lan.

- Khuyên các bên vì tình làng nghĩa xóm, không nên để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp không đáng có và nên ngồi lại với nhau để thỏa thuận, nhằm giải quyết hợp lý mâu thuẫn trên.

- Hòa giải viên cần vận dụng kỹ năng lắng nghe, phân tích, thuyết phục và nêu truyền thống tốt đẹp về tình làng nghĩa xóm (*như: “Tối lửa tắt đèn có nhau”, “bán anh em xa mua láng giềng gần”...*) để thuyết phục hai bên không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, gây mất trật tự trị an tại cơ sở.

- Nếu các bên vẫn không thỏa thuận được cách giải quyết thì hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải và hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tình huống 15. Là hàng xóm của nhau, chị Nhung cho chị Hoa vay 20.000.000 đồng trong thời hạn 3 tháng không tính lãi. Khi đã quá hạn trả nợ 2 tháng, thấy chị Hoa vẫn chưa trả, chị Nhung đã đến nhà chị Hoa đòi lấy đi chiếc xe máy của chị Hoa để siết nợ. Hai bên cãi vã, to tiếng với nhau, gây mất trật tự trong xóm. Nếu được phân công hòa giải vụ việc này, ông (bà) sẽ hòa giải như thế nào?

Gợi ý trả lời: Là hòa giải viên, khi được phân công tiến hành hòa giải, cần:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn phát sinh do chị Nhung muốn lấy chiếc xe máy của chị Hoa để siết khoản nợ mà chị Hoa vay đã quá hạn 2 tháng.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Khoản 1 và khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;..., trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định... trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

- Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội công nhiên chiếm đoạt tài sản như sau: "1. Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm: ... c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội".

1. Hướng hòa giải: Phân tích để các bên hiểu và thỏa thuận (thực hiện) theo hướng:

- *Đối với chị Hoa:* Phân tích để chị Hoa hiểu việc không thanh toán đúng hạn như đã thỏa thuận là sai, chị Hoa nên thực hiện ngay việc trả tiền cho chị Nhung để tránh làm sự việc thêm phức tạp. Ngoài ra, mặc dù chị Nhung đã cho chị Hoa vay không tính lãi, nhưng nếu quá hạn mà chị Hoa vẫn chưa thanh toán thì chị Nhung có quyền yêu cầu trả tiền lãi suất theo quy định.

- *Đối với chị Nhung:* Phân tích cho chị Nhung hiểu trường hợp chị Hoa không trả nợ như đã thỏa thuận thì chị Nhung xem xét cho gia hạn hoặc có quyền yêu cầu Tòa án buộc chị Hoa trả nợ, chứ không nên lấy xe máy để siết nợ vì đó là hành vi vi phạm pháp luật có thể bị xử lý hình sự theo quy định.

- Hòa giải viên cần nêu truyền thống tốt đẹp về tình làng nghĩa xóm (*như: “tối lửa tắt đèn có nhau”, “bán anh em xa mua láng giềng gần”...*) để thuyết phục hai bên không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, gây mất trật tự khu xóm.

- Trong trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải và hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tình huống 16. Ông An ký hợp đồng mua toàn bộ quả sầu riêng trong vườn của ông Bình trong vụ thu hoạch của năm với giá 150 triệu đồng. Để bảo đảm, ông An đã đặt cọc trước cho ông Bình 20 triệu đồng (có giấy biên nhận). Đến kỳ thu hoạch, do giá sầu riêng lên cao, ông Bình đề nghị nâng giá trị của hợp đồng lên 180 triệu đồng thì ông mới bán, nếu không ông sẽ trả lại 20 triệu tiền đặt cọc và không bán cho ông An nữa. Ông An không đồng ý và yêu cầu ông Bình thực hiện đúng cam kết, không thì phải trả lại tiền đặt cọc, chịu phạt

cọc và bồi thường thiệt hại. Hai bên xảy ra mâu thuẫn, nếu được phân công hòa giải vụ việc, ông/bà làm thế nào?

Gợi ý trả lời: Là hòa giải viên, khi được phân công tiến hành hòa giải, cần:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Ông Bình đòi nâng giá trị hợp đồng mua bán sầu riêng sau khi đã nhận tiền đặt cọc của ông An, ông An không đồng ý và yêu cầu ông Bình trả lại tiền đặt cọc, chịu phạt cọc và bồi thường thiệt hại nhưng ông Bình chỉ chấp nhận trả lại tiền đặt cọc.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Đặt cọc là việc một bên giao cho bên kia một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng.

2. ...; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”

3. Hướng hòa giải: Trên cơ sở quy định Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 phân tích cho hai bên hiểu quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan đến hợp đồng đặt cọc từ đó để các bên thỏa thuận việc giải quyết mâu thuẫn và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó, cụ thể:

- Thuyết phục ông Bình tiếp tục thực hiện hợp đồng; tuy nhiên, phân tích cho ông Bình hiểu nếu không bán sầu riêng cho ông An như đã thỏa thuận thì ngoài việc trả lại số tiền cọc 20 triệu đồng, còn phải trả thêm cho ông An một khoản tiền tương đương khoản tiền đã đặt cọc.

- Thuyết phục ông An xem xét, hỗ trợ thêm cho ông Bình một phần giá trị do giá hoa quả năm nay tăng cao hơn so với mọi năm.

- Hòa giải viên cần nêu truyền thống tốt đẹp về việc giữ chữ tín (như: “Chữ tín còn quý hơn vàng”...) để thuyết phục hai bên chủ động hòa giải với nhau.

- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải và hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tình huống 17. Vợ chồng ông Nông và bà Lâm có một người con trai tên Hà. Ông Nông còn có một người con riêng tên Mạnh. Anh Mạnh đã được ông Nông hoàn tất các thủ tục nhận cha, con theo quy định của pháp luật về hộ tịch. Sau khi ông Nông mất (không để lại di chúc), anh Mạnh yêu cầu được chia thừa kế đối với phần di sản của ông Nông để lại (gồm nhà và đất được ông Nông và bà Lâm cùng chung sức tạo dựng). Bà Lâm và anh Hà không đồng ý, vì cho rằng

anh Mạnh là con riêng của ông Nông nên không có quyền hưởng thừa kế. Anh Mạnh đã tìm đến tổ hòa giải đề nghị giúp đỡ. Nếu được giao hòa giải vụ việc này, ông (bà) sẽ hòa giải như thế nào?

Gợi ý trả lời:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi ông Nông mất (không để lại di chúc), anh Mạnh (con riêng của ông Nông) yêu cầu được chia thừa kế đối với phần di sản của ông Nông để lại nhưng vợ và con trai của ông Nông (Bà Lâm và anh Hà) không đồng ý.

2. Xác định căn cứ pháp lý liên quan tới nội dung hòa giải:

- Về những trường hợp thừa kế theo pháp luật, tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: Thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp “Không có di chúc”.

- Về thứ tự những người thừa kế theo pháp luật: Điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Hàng thừa kế thứ nhất gồm: “vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết”; “Những người thừa kế cùng hàng được hưởng di sản bằng nhau”.

3. Hướng hòa giải: Trên cơ sở quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu trên, hòa giải viên phân tích và thuyết phục cho các bên hiểu để đạt thỏa thuận theo hướng:

- Phân tích cho bà Lâm và anh Hà hiểu rõ: Anh Mạnh vẫn là con ruột của ông Nông, vì vậy anh Mạnh cùng bà Lâm và anh Hà đều là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và như vậy đều được hưởng thừa kế như nhau đối với phần di sản của ông Nông để lại, đó là $\frac{1}{2}$ tài sản chung của ông Nông và bà Lâm cùng chung sức tạo dựng.

- Hòa giải viên cần nêu truyền thống đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam (như: “một giọt máu đào, hơn ao nước lã”; “anh em như thể tay chân, anh em hòa thuận song thân vui vầy”) và thuyết phục anh Mạnh nên thỏa thuận với bà Lâm và anh Hà về phân chia di sản do ông Nông để lại một cách thấu tình đạt lý, nhằm giữ gìn tình cảm gia đình.

- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải và hướng dẫn các bên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.